

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc.

2. Ông Phạm Xuân Vạn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Hà Văn Đ, sinh năm: 1988 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Viết V và bà Lộc Thị S; có vợ là Trương Thị H.N và 01 con; tiền án; Tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2008/HSST ngày 09/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 06 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2010/HSST ngày 21/01/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đa Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 30 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2010/HSST ngày 22/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 06 năm tù tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2010/HSST ngày 17/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm 04 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”; hiện đang tại ngoại – có mặt.

2. Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1998; nơi sinh: tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Quốc H và bà Phạm Thị

T; là con út trong gia đình có 02 chị em; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang tại ngoại – có mặt.

3. Nguyễn Anh T, sinh năm: 2000 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị T; là con út trong gia đình có 03 chị em; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang tại ngoại – có mặt.

- Bị hại: Trung tâm viễn thông G - Đ

Người đại diện: Ông Trần Minh H- Giám đốc Trung tâm viễn thông G - Đ - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3/2023, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Anh T đến làm công nhân thi công lắp đường dây truyền dẫn cáp quang cho Cty TNHH H (*địa chỉ phường 15, Quận G, TP. Hồ Chí Minh*) tại địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian này, H được công ty giao xe ô tô BKS 37C-067.25 để sử dụng và cùng T thuê trọ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để ở trong thời gian làm việc tại đây.

Sáng ngày 28/5/2023, khi H và T đang thi công đường dây tại địa bàn thị trấn Đ, huyện Đ thì có Hà Văn Đ (*là bạn của H*) đến phụ giúp H và T kéo dây cáp quang. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô BKS 37C-067.25 chở T, Đ đi đến kho vật tư của công ty điện lực tỉnh Đắk Nông tại tổ 3, phường N, thành phố G để lấy vật tư tiếp tục thi công công trình này. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ăn tối xong H và Đ ngồi nói chuyện với nhau, nói “*đợt này đi làm không có tiền anh*”, Đ nói “*đi trộm cáp không?*”; H hỏi “*chỗ nào*”; Đ trả lời “*Chỗ vườn cà phê điện lực lúc chiều*”. H nhớ lại địa điểm lấy vật tư buổi chiều hôm đó có đường dây cáp đi ngang qua vườn cà phê gần khu vực kho vật tư của Cty điện lực Đắk Nông nên H đã đồng ý. H rủ thêm T đi cùng và hứa cho T tiền thì T đồng ý. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô BKS 37C-067.25 (*sau xe có sẵn dụng cụ hàng ngày thi công đường dây*), chở Đ và T đi từ nhà trọ theo Quốc lộ 14 đến địa điểm trên để cắt trộm cáp, T ngồi ghế phụ còn Đ ngồi ghế sau. Khoảng 23 giờ 53 phút cùng ngày thì tới khu vực vườn cà phê đối diện kho vật tư của Cty Điện lực Đắk Nông thuộc tổ 3, phường N; H dừng xe bên trái đường Phan Kế Bính, H nói với Đ “*anh xuống cắt một mình nha*”. Đ đi xuống, mở thùng sau của xe lấy 03 cây ty làm bằng kim loại, 01 kìm cộng lực rồi đi vườn vườn cà phê trèo lên cột điện để cắt dây cáp (*đây là đường dây cáp viễn thông của Trung tâm viễn thông G- Đ*). H điều khiển xe ô tô, T ngồi sau, đi đến bãi đất trống đối diện với vườn cà phê để chờ Đ cắt trộm được dây cáp thì đến đón. Còn Đ dùng cây ty và kìm cộng lực lần lượt trèo lên 03 cột điện để cắt trộm cáp. Đến 02 giờ 21 phút ngày 29/5/2023

Đ cắt được 03 đoạn dây cáp viễn thông tổng chiều dài 165 mét của Trung tâm viễn thông G – Đ, gồm: 80 mét dây cáp viễn thông, vỏ nhựa màu đen có ký hiệu SACOM 12/2007-200x2x0,5, đường kính 2,7cm, mặt trong có 400 sợi dây đồng; 45 mét dây cáp viễn thông, vỏ nhựa màu đen có ký hiệu SACOM, đường kính 1,5cm, mặt trong có 100 sợi dây đồng; 40 mét dây cáp viễn thông, vỏ nhựa màu đen có ký hiệu SACOM 2004, đường kính 1,5cm, mặt trong có 60 sợi dây đồng. Đức cuộn lại thành 03 cuộn tròn, bê đến vị trí lúc bắt đầu rồi gọi Zalo báo cho H biết đã cắt xong. H điều khiển xe ô tô cùng T quay lại đón Đ; T ngồi trên xe còn H và Đ bê 03 cuộn dây cáp cho lên thùng xe rồi cả 03 đi về lại nhà trọ để nghỉ ngơi.

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 29/5/2023 Đ, H, T cùng nhau bê 03 cuộn dây cáp đã trộm cắp được từ trên xe xuống, để ở góc sân của nhà nghỉ rồi lấy bạt che phủ; sau đó Đ đi về nhà còn H và T tiếp tục ở lại thi công công trình, rồi cùng nhau sử dụng kìm cộng lực cắt số cáp viễn thông đã trộm cắp được thành từng đoạn dài bằng nhau, cột lại thành từng bó, gửi qua xe khách bán cho anh Lê Thế T, sinh năm 1989, tại khu phố 13, phường 15, Quận G, TP. Hồ Chí Minh được số tiền 5.000.000đ; H chia cho T 1.000.000đ, Đ 2.000.000đ, H 2.000.000đ, đã sử dụng tiêu xài hết. Ngày 29/5/2023 Trung tâm Viễn thông G – Đ phát hiện sự việc và trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐ ĐG ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Gia Nghĩa kết luận tổng giá trị tài sản trộm cắp tài thời điểm ngày 29/5/2023 là **3.370.923 đồng**.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-GN ngày 26-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã truy tố Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, không oan

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 08 tháng tù đến 12 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình

sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ngày 22/01/2024 Cơ quan CSĐT Công an TP. Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 139/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 02 điện thoại di động cho các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Quốc H là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 22/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 41/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, loại bán tải, màu bạc, BKS: 37C – 067.25 cho anh Hoàng Văn T - chủ sở hữu hợp pháp. Lưu cùng hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa dữ liệu trích xuất từ camera.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với anh T1 là người mua số dây cáp mà các bị cáo trộm cắp nhưng anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên đề nghị không đề cập xử lý.

Đối với anh T2 là chủ sở hữu chiếc xe do các bị cáo sử dụng để chở dây cáp trộm cắp nhưng anh T2 không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị không xử lý.

Các bị cáo không bào chữa gì, chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xác định được: Vào đêm ngày 28 rạng sáng ngày 29/5/2023 tại tổ 3, phường N, thành phố G, Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T đã trộm cắp 03 đoạn dây cáp viễn thông dài 165 mét, trị giá 3.370.923đ (*Ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng*) của Trung tâm Viễn thông G - Đ. Hành vi của

các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, đủ căn cứ kết luận các bị cáo Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Bộ luật hình sự quy định

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi tội phạm xảy ra nói riêng và xã hội nói chung. Do đó, cần xem xét xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm gián đơn, Đ là người rủ H đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi cắt các đoạn dây cáp nên cần xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt cao hơn bị cáo H và Anh T.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội 01 thời gian. Bị cáo H và Anh T là người có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo H và Anh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô bị lấy trộm, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Quốc H và Nguyễn Anh T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1] Ngày 22/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 139/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 02 điện thoại di động cho Nguyễn Anh T, Nguyễn Quốc H là các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[8.2] Ngày 22/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 41/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, loại bán tải, màu bạc, BKS: 37C – 067.25 cho anh Hoàng Văn T - chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[8.3] Lưu cùng hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa dữ liệu trích xuất từ camera.

[9]. Đối với anh Lê Thế T1 là người mua số dây cáp mà các bị cáo trộm cắp nhưng anh T1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[10]. Đối với anh Hoàng Văn T2 là chủ sở hữu chiếc xe do các bị cáo sử dụng để chở dây cáp trộm cắp nhưng anh T2 không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

[11]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ cần chấp nhận.

[12]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ **09 (Chín) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H **06 (Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **06 (Sáu) tháng tù**

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Quốc H trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Anh T trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Nguyễn Quốc H và Nguyễn Anh T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Chấp nhận ngày 22/01/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 139/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 02 điện thoại di động Nguyễn Anh T, Nguyễn Quốc H là chủ sở hữu hợp pháp.

2.2. Chấp nhận ngày 22/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 41/ CQĐT-ĐCSHS trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, loại bán tải, màu bạc, BKS: 37C – 067.25 cho anh Hoàng Văn T - chủ sở hữu hợp pháp.

2.3. Lưu cùng hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa dữ liệu trích xuất từ camera.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hà Văn Đ, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Gia Nghĩa;
- CCTHADS thành phố Gia Nghĩa;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huế

